

Bản án số: 169/2020/HS-ST

Ngày: 09-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Lang
2. Bà Võ Thị Nam
3. Ông Nguyễn Thành Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2020/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2452/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị P (tên gọi khác: không có); giới tính: nữ; sinh năm: 1954 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: 45/4B ấp TĐ, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 131/4 ấp TĐ, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông TĐC (chết) và bà BTH; hoàn cảnh gia đình: có chồng (đã chết) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/11/2018 (có mặt).

1. Nguyễn Trung H (tên gọi khác: không có); giới tính: nam; sinh năm: 1968 tại tỉnh Khánh Hòa; cư trú: 160/8/4 khu phố 4, phường TCH, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: xe ôm; trình độ văn hóa: 6/12; con ông NTT (chết) và bà NTXL (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 01 con sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 27/4/2019 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại:

1. Ông Vũ Quốc H1. Sinh năm: 1970

Thường trú: 153/32 TT, Phường T, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 10/15 TQ, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Nguyễn Quốc T. Sinh năm: 1960

Thường trú: 47 PĐC, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Sái Văn S. Sinh năm: 1962

Thường trú: 287/17 CVA, Phường MH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thế A. Sinh năm: 1951

Bà Vũ Thị Kim T. Sinh năm: 1954

Cùng thường trú: 86/86 ÔÍK, Phường MB, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Nguyễn Hoàng C. Sinh năm: 1961

Bà Bùi Thị Thanh H2. Sinh năm: 1965

Cùng thường trú: 156/29 ĐVN, Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 281/27/10 LVS, Phường M, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Thu T1. Sinh năm: 1948

Thường trú: 1030/8 VVK, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: F51 cư xá Phú Lâm B đường BH, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Phạm Thị H3. Sinh năm: 1982

Thường trú: 67 khu phố 4, phường TMT, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp RS, xã MHB, huyện ĐH, tỉnh Long An (có mặt).

5. Ông Mai Bình M. Sinh năm: 1991.

Hộ khẩu: 402 ấp MĐ, xã HM, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở: 39 đường 320, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

6. Bà Trần Thị K. Sinh năm: 1946.

Địa chỉ: 36 đường số 2, Khu dân cư BH, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

7. Ông Nguyễn Tấn P1. Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 9/8/23 khu phố 2, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

8. Bà Phạm Thị Minh A1. Sinh năm: 1976

Địa chỉ: 128 VV, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Ông Lê VT. Sinh năm: 1952.

Địa chỉ: 357/29/20 KVC, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Ông Chung NT. Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: 53/2 BMT, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Phòng công chứng số B

Địa chỉ: 25/5 HQV, Phường B, quận TBh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông THAnh – Công chứng viên (có mặt)

12. Văn phòng công chứng TQP (Trước đây là Văn phòng công chứng Gia Định).

Địa chỉ: 214/B2 NT, phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

13. Văn phòng công chứng TT.

Địa chỉ: 240 NTMK, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

14. Văn phòng công chứng ĐT.

Địa chỉ: 967 LBB, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

15. Văn phòng công chứng HX.

Địa chỉ: 215 TBT, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bào chữa:

1. Ông Nguyễn Hồng Nhân – Luật sư Văn phòng luật sư Thịnh Phát thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thị P (có mặt).

2. Ông Đinh Văn Toàn – Luật sư Văn phòng luật sư Chu Toàn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Trung H (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

Bà Võ Thị Lài – Luật sư Văn phòng luật sư Minh Lý thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thế A và bà Vũ Thị Kim Thành (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2015 và 2016 Trần Thị P nhiều lần được đối tượng tên Bảy (không rõ lai lịch) thuê đóng giả chủ sở hữu nhà và đất không thuộc sở hữu của mình để ký hợp đồng công chứng quyền mua bán hoặc ủy quyền mua bán nhà, đất để hưởng tiền công 3.000.000 đồng/lần đóng giả. Nguyễn Trung H được đối tượng tên Tân (không rõ lai lịch) thuê đóng giả chủ nhà với tiền công 2.000.000 đồng/lần đóng giả, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Căn nhà 341/M6 LLQ, Phường N, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Thế A và bà Vũ Thị Kim T làm chủ sở hữu.

Tháng 3/2015, vợ chồng ông A, bà T đăng báo cho thuê hoặc bán căn nhà 341/M6 LLQ, Phường N, Quận MM. Ngày 18/4/2015, ông bà cho Trần Thị Lan (không rõ lai lịch) thuê 1 tháng giá 10.000.000 đồng, Lan đã trả tiền thuê và cọc tổng cộng 20.000.000 đồng nhưng thực tế không ở đây.

Ngày 20/4/2015 có một nhóm người không rõ lai lịch đến gặp vợ chồng ông A đề nghị mua nhà và yêu cầu cung cấp bản photo giấy tờ nhà đất, thông báo nộp lệ phí trước bạ, chứng minh nhân dân, hộ khẩu và giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng ông bà. Đến ngày 21/4/2015, nhóm người trên quay lại đề nghị được xem bản chính các giấy tờ nói trên, sau đó nói không mua nhà và trả lại giấy tờ.

Ông Vũ Quốc H1 hành nghề cho vay tiền, được Nguyễn Hữu Nghị giới thiệu vợ chồng ông A cần vay tiền và thế chấp căn nhà nói trên. Ông H1 đã gặp vợ chồng ông A (giả) tại căn nhà trên và xem giấy tờ nhà đất sau đó đồng ý cho vay số tiền 700.000.000 đồng với điều kiện phải ký hợp đồng mua bán nhà tại phòng công chứng, nếu sau 01 tháng không trả nợ ông H1 sẽ làm thủ tục đăng bộ sang tên căn nhà này.

Ngày 27/4/2015, tại Phòng công chứng số 4, đối tượng chưa xác định được lai lịch đóng giả ông A, bị cáo Trần Thị P được người phụ nữ xe ôm chở đến đóng giả bà T đã ký hợp đồng bán căn nhà trên cho ông Vũ Quốc H1 đồng thời ký giấy nhận số tiền 700.000.000 đồng. Số tiền trên, người phụ nữ xe ôm mang đi, riêng P được cho 3.000.000 đồng.

Hết thời hạn cho vay, không thấy vợ chồng ông A (giả) trả tiền, ông H1 đã tiến hành thủ tục đăng bộ sang tên nhà đất nói trên. Ngày 11/6/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 đã cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho ông H1.

Tại bản kết luận giám định số 1189 ngày 01/10/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Thông báo nộp thuế do ông Nguyễn Thế A và bà Vũ Thị Kim T giao nộp là giấy giả”.

Tại bản kết luận giám định số 710 ngày 31/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Thông báo nộp thuế do ông Vũ Quốc H1 giao nộp là giấy thật”.

Tại bản kết luận giám định số 307 ngày 07/3/2018 của Phòng kỹ thuật

hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của Nguyễn Thế A và Vũ Thị Kim T trên hợp đồng mua bán, giấy ủy quyền so với chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của Nguyễn Thế A và Vũ Thị Kim T trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh không phải chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của cùng một người”.

Tại bản kết luận giám định số 762 ngày 26/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Dấu vân tay của Vũ Thị Kim T trên hợp đồng mua bán, giấy ủy quyền trùng với dấu vân tay của Trần Thị P”.

Tại bản kết luận giám định số 1081 ngày 14/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Chữ viết của Trần Thị P trên giấy nhận tiền so với tài liệu dùng làm mẫu so sánh là cùng một người viết ra”.

Vụ thứ 2: Căn nhà 47 DT, Phường ML, quận PN do ông Nguyễn Hoàng C và bà Bùi Thị Thanh H2 làm chủ sở hữu.

Năm 2015, vợ chồng ông C rao bán nhà trên nên có nhiều cá nhân tới hỏi mua và xin photo giấy tờ nhà đất. Thông qua ông Trần Văn D – Giám đốc công ty TNHH dịch vụ Đầu giá tài sản TP, ngày 15/6/2015 ông Nguyễn Quốc T ký hợp đồng mua bán căn nhà trên với vợ chồng ông C (giả) tại Văn phòng công chứng GD với giá 1.200.000.000 đồng, đã giao tiền (có giấy biên nhận). Sau đó ông T đã làm thủ tục đăng bộ sang tên quyền sử hữu căn nhà trên.

Ngày 21/9/2015, vợ chồng ông C đến Văn phòng công chứng Phú Nhuận để làm thủ tục bán nhà thì phát hiện căn nhà trên đã bán cho ông Nguyễn Quốc T, công chứng tại Văn phòng công chứng GD.

Tại bản kết luận giám định số 67/KLGD-TT ngày 29/12/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Hoàng C và bà Bùi Thị Thanh H2 giao nộp là giấy giả. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Quốc T giao nộp là giấy thật”.

Tại bản kết luận giám định số 68/KLGD-TT ngày 12/01/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của Bùi Thị Thanh H2; chữ viết, dấu vân tay Nguyễn Hoàng C trên hợp đồng mua bán so với tài liệu dùng làm mẫu so sánh không cùng một người viết, ký ra”.

Tại bản kết luận giám định số 1334/KLGD-TT ngày 14/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Dấu vân tay của Bùi Thị Thanh H2 trên hợp đồng mua bán trùng với dấu vân tay của Trần Thị P. Dấu vân tay của Nguyễn Hoàng C trên hợp đồng mua bán trùng với dấu vân tay của Nguyễn Trung H. Chữ viết, dấu vân tay của Trần Thị P trên giấy nhận tiền so với tài liệu dùng làm mẫu so sánh là cùng một người viết ra. Không đủ cơ sở xác định chữ viết, chữ ký của Nguyễn Trung H trên giấy nhận tiền so với tài liệu dùng làm mẫu so sánh có phải cùng một người viết ra hay không”.

Vụ thứ 3: Căn nhà 1030/8 VVK, Phường S, Quận N do bà Nguyễn Thị Thu T1 làm chủ sở hữu.

Tháng 11/2015, bà T1 đăng báo rao bán căn nhà trên. Thời điểm này nhiều đối tượng đến hỏi mua nhà và yêu cầu cung cấp bản photo giấy tờ nhà đất, chứng minh nhân dân. Sau đó các đối tượng này yêu cầu được xem bản chính các giấy tờ trên nhưng không mua mà trả lại giấy tờ.

Ngày 01/12/2015 bà T1 làm hợp đồng đặt cọc viết tay cho bà Hồng TS thuê căn nhà trên với giá 9.000.000 đồng nhưng thực tế đối tượng Sen không ở đây.

Qua môi giới từ một người phụ nữ tên Liễu (không rõ lai lịch), ông Sái Văn S đến xem nhà và thống nhất giá mua bán căn nhà là 1.000.000.000 đồng. Sau đó ông S và bà T1 (giả) ký hợp đồng mua bán tại Văn phòng công chứng ĐT. Ông S tiếp tục bán lại cho bà Phạm Thị H3 tại Văn phòng công chứng TB với giá 1.500.000.000 đồng.

Ngày 04/3/2016, bà T1 đến Phòng công chứng số H để làm hợp đồng cho thuê căn nhà trên thì được biết căn nhà trên đã bị bán cho người khác.

Tại bản kết luận giám định số 165/KLGD-TT ngày 23/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Thu T1 giao nộp là giấy giả. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị H3 giao nộp là giấy thật”.

Tại bản kết luận giám định số 164/KLGD-TT ngày 23/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của Nguyễn Thị Thu T1 trên hợp đồng mua bán so với tài liệu dùng làm mẫu so sánh không cùng một người ký, viết ra”.

Tại bản kết luận giám định số 834/KLGD-TT ngày 25/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của Nguyễn Thị Thu T1 trên hợp đồng mua bán trùng với dấu vân tay của Trần Thị P.

Vụ thứ 4: Căn nhà 1142 LLQ, Phường T, quận TB do bà Trần Thị K làm chủ sở hữu.

Tháng 9/2016, bà K rao bán căn nhà trên thì có người phụ nữ tên Hoa đến hỏi mua nhà và yêu cầu cung cấp bản photo giấy tờ nhà đất cùng chứng minh nhân dân, hộ khẩu sau đó không thấy quay lại.

Tháng 11/2016, có người phụ nữ tên Thanh và T1 (đều không rõ lai lịch) đến hỏi mua nhà, sau khi thỏa thuận giá cả các đối tượng trên yêu cầu xem bản chính giấy tờ nhà đất và giấy tờ nhân thân của bà K. Sau khi xem một lúc, các đối tượng trên trả lại giấy tờ và hẹn một tuần sau đặt cọc nhưng không thấy quay lại. Bà K nghi ngờ bị đánh tráo giấy tờ nên kiểm tra lại thì phát hiện giấy tờ bà T1 đang giữ là giấy giả nên đã làm đơn ngăn chặn gửi Văn phòng đăng ký đất đai quận Tân Bình vào ngày 02/12/2016.

Ngày 01/12/2016, tại Bệnh viện Quận 8, Mai Bình M được một người phụ

nữ tên Út (không rõ lai lịch) thuê đứng tên giấy ủy quyền để thế chấp ngân hàng với giá 3.000.000 đồng nên M đồng ý. Ngày 05/12/2016, Văn phòng công chứng TT đã thực hiện thủ tục công chứng ngoài trụ sở Hợp đồng ủy quyền mua bán căn nhà trên giữa bà T1 (giả) và Mai Bình M.

Thông qua Phạm CT là người môi giới nhà đất, Châu TP quen biết Dung, Bình (không rõ lai lịch) sau đó được hai đối tượng này giới thiệu mua căn nhà nói trên với giá 3.000.000.000 đồng. TP đồng ý và nhờ Nguyễn Tấn P1 đứng tên mua bán nhà. Ngày 05/12/2016, Văn phòng công chứng HX đã thực hiện công chứng hợp đồng mua bán căn nhà nói trên giữa bà K (do Mai Bình M đại diện theo ủy quyền) và Nguyễn Tấn P1. Cùng ngày hai bên hủy bỏ hợp đồng mua bán nói trên sau đó ký lại hợp đồng mua bán mới điều chỉnh giá mua bán từ 5.000.000.000 đồng xuống 1.000.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng HX. Bà TP có bản trường trình xác định đã đưa trước số tiền 1.500.000.000 đồng cho Dung và Bình, số tiền còn lại hẹn 10 ngày sau đưa tiếp nhưng sau đó không liên lạc được với các đối tượng trên. Số tiền 1.500.000.000 đồng do bà TP mượn của ông Nguyễn TT nên sau khi công chứng hợp đồng mua bán, ông TT đã giữ toàn bộ giấy tờ để làm thủ tục đăng bộ sang tên. Tuy nhiên, do bà K đã làm thủ tục ngăn chặn nên ông TT không thực hiện đăng bộ sang tên được.

Tại bản kết luận giám định số 1327/KLGD-TT ngày 16/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Trần Thị K giao nộp là giấy giả. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn TT giao nộp là giấy thật. Chữ ký, chữ viết của Trần Thị K trên Hợp đồng ủy quyền so với tài liệu dùng làm mẫu so sánh không cùng một người ký, viết ra”.

Tại bản kết luận giám định số 1090/KLGD-TT ngày 21/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Chữ viết, dấu vân tay đứng tên Trần Thị K trên Hợp đồng ủy quyền trùng với chữ viết, dấu vân tay của Trần Thị P.

Tại bản cáo trạng số 366/CT-VKS-P2 ngày 10/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Thị P và Nguyễn Trung H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như nội dung bản cáo trạng.

- Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt:

- + Bị cáo Trần Thị P từ 14 đến 16 năm tù.

- + Bị cáo Nguyễn Trung H từ 12 đến 14 năm tù.

- Đề nghị tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bị cáo khi đóng giả chủ nhà vô hiệu.

- Về vật chứng và bồi thường dân sự đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều nêu ý kiến:

- Thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng truy tố đối với các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, không được chiếm hưởng từ số tiền chiếm đoạt, bị cáo H đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng nên đề nghị tuyên phạt các bị cáo mức án thấp nhất.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Nguyễn Thế A và bà Vũ Thị Kim T nêu ý kiến: Qua quá trình điều tra và xét xử xác định các bị cáo đóng giả vợ chồng ông A, bà T để bán căn nhà số 341/M6 LLQ, Phường N, Quận MM cho ông Vũ Quốc H1, ông H1 đã làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền cho vợ chồng ông A, bà T được liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với căn nhà trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, điều tra viên và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định chữ ký, chữ viết, tài liệu, giấy nhận tiền, biên bản ghi lời khai người bị hại và các biên bản hoạt động điều tra khác....có đủ cơ sở xác định do cần tiền tiêu xài nhưng không có việc làm nên Trần Thị P và Nguyễn Trung H đã sử dụng các giấy tờ nhân thân giả gồm “Thẻ căn cước công dân”, “Sổ hộ khẩu”, “Giấy đăng ký kết hôn” do các đối tượng tên Bảy, Tân (không rõ lai lịch) cung cấp. Sau đó theo yêu cầu của các đối tượng trên, P đóng giả bà Nguyễn Thị Thu T1 – Chủ sở hữu nhà số 1030/8 VVK, Phường S, Quận N, bà Vũ Thị Kim T – Chủ sở hữu nhà số 341/M6 LLQ, Phường N, Quận MM, bà Bùi Thị Thanh H2 – Chủ sở hữu nhà số 47 DT, Phường ML, quận PN và bà Trần Thị K – Chủ sở hữu nhà số 1142 LLQ, Phường T, quận TB; H đóng giả ông Nguyễn Hoàng C - Chủ sở hữu nhà số 47 DT, Phường ML, quận PN thực hiện thủ tục mua bán hoặc ủy quyền mua bán

các tài sản là nhà đất nói trên tại các Phòng và Văn phòng công chứng nhằm chiếm đoạt tiền của những người mua nhà. Mỗi lần đóng giả, P được Bảy trả công 3.000.000 đồng, H được Tân trả công 2.000.000 đồng.

Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Thị P và Nguyễn Trung H đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 như Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tội phạm do các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Hồ sơ vụ án thể hiện sau khi ký hợp đồng mua bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Trần Thị P đã ký nhận số tiền 700.000.000 đồng của ông Vũ Quốc H1, số tiền 1.000.000.000 đồng của ông Sái Văn S; P và H cùng ký nhận số tiền 1.200.000.000 đồng của ông Nguyễn Quốc T. Ngoài ra, P còn đóng giả bà Trần Thị K ký giấy ủy quyền cho ông Mai Bình M được quyền bán căn nhà số 1142 LLQ, Phường T, quận TB, giúp sức các đối tượng khác (chưa rõ lai lịch) chiếm đoạt số tiền 1.500.000.000 đồng của bà Châu TP. Do đó, bị cáo Trần Thị P phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền 4.400.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền 1.200.000.000 đồng đã chiếm đoạt, đây là tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, thể hiện ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức nên giảm cho các bị cáo một mức hình phạt như lời bào chữa của luật sư cho các bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về hiệu lực Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, Hợp đồng ủy quyền và hậu quả pháp lý liên quan:

- Đối với Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền bà Trần Thị K (do bị cáo Trần Thị P đóng giả) và bên được ủy quyền ông Mai Bình M ký kết tại Văn phòng công chứng TT ngày 02/12/2016, số công chứng N⁰ 015110, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bên chuyển nhượng bà Trần Thị K do ông Mai Bình M làm đại diện theo ủy quyền và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Tấn P1 ký kết tại Văn phòng công chứng HX ngày 05/12/2016, số công chứng 039009, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD được xác lập dựa trên hành vi trái pháp luật của bị cáo P, không đúng về chủ thể nên căn cứ vào Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 131; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng mua bán và Hợp đồng ủy quyền trên vô hiệu.

- Đối với Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Thế A (chưa xác định được người đóng giả) bà Vũ Thị Kim T (do bị cáo Trần Thị P đóng giả) và bên nhận chuyển

nhượng ông Vũ Quốc H1 ký kết tại Phòng công chứng số B ngày 27/4/2015, số công chứng 016136, quyền số 4TP/CC-SCC/HĐGD được xác lập dựa trên hành vi trái pháp luật của bị cáo P, không đúng về chủ thể nên căn cứ vào Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 131; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng trên vô hiệu.

- Đối với Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bên chuyển nhượng bà Nguyễn Thị Thu T1 (do bị cáo Trần Thị P đóng giả) và bên nhận chuyển nhượng ông Sái Văn S ký kết tại Văn phòng công chứng ĐT ngày 15/12/2015, số công chứng 00017688, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD được xác lập dựa trên hành vi trái pháp luật của bị cáo P, không đúng về chủ thể nên căn cứ vào Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 131; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng trên vô hiệu.

- Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Hoàng C (do bị cáo Nguyễn Trung H đóng giả), bà Bùi Thị Thanh H2 (do bị cáo Trần Thị P đóng giả) và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Quốc T ký kết tại Văn phòng công chứng GĐ ngày 15/6/2015, số công chứng 009963, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD được xác lập dựa trên hành vi trái pháp luật của các bị cáo P và H, không đúng về chủ thể nên căn cứ vào Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 131; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng trên vô hiệu.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Nguyễn Quốc T có đơn yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Căn cứ giấy nhận tiền xác định bị cáo P cùng bị cáo H đã ký nhận số tiền 1.200.000.000 đồng từ ông Nguyễn Quốc T, mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai toàn bộ số tiền trên đã đưa lại cho các đối tượng tên Bảy và Tân nhưng xét ngoài lời khai của các bị cáo không còn chứng cứ nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T.

- Tại phiên tòa, ông Vũ Quốc H1 yêu cầu những đối tượng đóng giả chủ nhà và Phòng công chứng số 4 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông H1. Tuy nhiên, quá trình xét hỏi ông H1 xác định không ký hợp đồng chuyển nhượng cũng như không đưa số tiền 700.000.000 đồng cho bị cáo P nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền trên. Đối với Phòng công chứng số B, khi thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thế A, bà Vũ Thị Kim T và ông Vũ Quốc H1, đã thực hiện đúng quy trình theo quy định tại Luật công chứng, trong trường hợp này công chứng viên không thể nhận biết được giấy tờ nhân thân bị cáo sử dụng là giả. Do đó, Hội đồng xét xử tách phần giải quyết dân sự đối với ông để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi ông có đủ căn cứ.

- Đối với ông Sái Văn S sau khi nhận chuyển nhượng căn nhà số 1030/8 VVK, Phường S, Quận N từ các bị cáo đã tiếp tục chuyển nhượng cho bà Phạm Thị H3 vào ngày 03/02/2016 (đã hoàn tất thủ tục công chứng và đăng bộ sang tên cho bà H3). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông S và bà H3 không có yêu

cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của các bên đã tham gia giao dịch đối với căn nhà 1030/8 VVK, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện dân sự cho các bên đã tham gia giao dịch đối với căn nhà trên nếu các bên có yêu cầu bồi thường.

- Đối với ông Nguyễn Tấn P1 khai nhận được bà Châu TP nhờ đứng tên nhận chuyển nhượng căn nhà số 1142 LLQ, Phường T, quận TB, quá trình điều tra ông P1 không có yêu cầu bồi thường, tại phiên tòa ông P1 vắng mặt. Đối với bà Phương sau khi vụ án được khởi tố không lấy được lời khai, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nơi cư trú. Do đó Hội đồng xét xử tách phần giải quyết dân sự đối với ông, bà để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[4] Về tài liệu, tang vật vụ án, tài sản thu giữ:

- Số tiền 2.000.000 đồng gia đình bị cáo H nộp là tiền thu lợi bất chính. Xét việc nộp tiền là tự nguyện nên tạm giữ để đảm bảo thi hành nghĩa vụ bồi thường của bị cáo.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70131272520, hồ sơ gốc số 181/2004, do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/02/2004 đối với nhà và đất tọa lạc tại 47 DT, Phường ML, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án) mang tên ông PTS và bà PTHY. Tại Mục III – Thay đổi về chủ, thể hiện ngày 19/5/2014 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu từ ông PTS và bà PTHY cho ông Nguyễn Hoàng C và bà Bùi Thị Thanh H2 (do chuyển nhượng); ngày 13/8/2015, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Phú Nhuận đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu từ ông Nguyễn Hoàng C và bà Bùi Thị Thanh H2 cho ông Nguyễn Quốc T (do chuyển nhượng). Xét thấy tài liệu trên là chứng cứ trực tiếp của vụ án, đã đóng dấu bút lục của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh nên tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án. Do hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Hoàng C, bà Bùi Thị Thanh H2 và ông Nguyễn Quốc T vô hiệu như đã phân tích ở trên nên ông Nguyễn Hoàng C và bà Bùi Thị Thanh H2 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cấp lại bản chính giấy tờ nhà đất nói trên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 297663, số vào sổ cấp GCN: CH02853, do Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2014 đối với nhà và đất tọa lạc tại 341/M6 LLQ, Phường N, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án) mang tên ông Nguyễn Thế A và bà Vũ Thị Kim T. Tại Mục III – Thay đổi về chủ, thể hiện ngày 11/6/2015 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu từ ông Nguyễn Thế A, bà Vũ Thị Kim T cho ông Vũ Quốc H1 (do chuyển nhượng). Xét thấy tài liệu trên là chứng cứ trực tiếp của vụ án, đã đóng dấu bút lục của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh nên tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án. Do hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Thế A, bà Vũ Thị Kim T và ông Vũ

Quốc H1 vô hiệu như đã phân tích ở trên nên ông Nguyễn Hoàng C và bà Bùi Thị Thanh H2 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cấp lại bản chính giấy tờ nhà đất nói trên.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2839/SXD, do Sở xây dựng thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2004 đối với nhà và đất tọa lạc tại 514/8 HT, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Số mới là 1030/8 VVK, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án) mang tên ông PB và bà Nguyễn Thị Thu T1. Tại Mục III – Thay đổi về chủ và Trang bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thể hiện ngày 07/4/2005 Trung tâm thông tin tài nguyên môi trường và đăng ký nhà đất đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho bà Nguyễn Thị Thu T1 (do nhận thừa kế); ngày 29/01/2016 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 5 đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu từ bà Nguyễn Thị Thu T1 cho ông Sái Văn S (do chuyển nhượng); ngày 05/02/2016 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 5 đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu từ ông Sái Văn S cho bà Phạm Thị H3 (do chuyển nhượng). Xét thấy tài liệu trên là chứng cứ trực tiếp của vụ án, đã đóng dấu bút lục của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh nên tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án. Do hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Sái Văn S vô hiệu như đã phân tích ở trên nên bà Nguyễn Thị Thu T1 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cấp lại bản chính giấy tờ nhà đất nói trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Trần Thị P và Nguyễn Trung H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: **Trần Thị P** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: **Nguyễn Trung H** 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2019.

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Buộc bị cáo Trần Thị P và Nguyễn Trung H liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Quốc T số tiền 1.200.000.000 đồng, phân định cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 600.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 131; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Tuyên bố Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Thế A (chưa xác định được người đóng giả) bà Vũ Thị Kim T (do bị cáo Trần Thị P đóng giả) và bên nhận chuyển nhượng ông Vũ Quốc H1 ký kết tại Phòng công chứng số B ngày 27/4/2015, số công chứng 016136, quyền số 4TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 297663, số vào sổ cấp GCN: CH02853, do Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2014 đối với nhà và đất tọa lạc tại 341/M6 LLQ, Phường N, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án) mang tên ông Nguyễn Thế A và bà Vũ Thị Kim T (đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho ông Vũ Quốc H1 ngày 11/6/2015).

Ông Nguyễn Thế A, bà Vũ Thị Kim T được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà và đất tọa lạc tại số 341/M6 LLQ, Phường N, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Hoàng C (do bị cáo Nguyễn Trung H đóng giả), bà Bùi Thị Thanh H2 (do bị cáo Trần Thị P đóng giả) và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Quốc T ký kết tại Văn phòng công chứng GĐ ngày 15/6/2015, số công chứng 009963, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70131272520, hồ sơ gốc số 181/2004, do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/02/2004 đối với nhà và đất tọa lạc tại 47 DT, Phường ML quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án) mang tên ông PTS và bà PTHY (đã thay đổi chủ sở hữu cho ông Nguyễn Quốc T ngày 13/8/2015).

Ông Nguyễn Hoàng C và bà Bùi Thị Thanh H2 được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà và đất tọa lạc tại số 47 DT, Phường ML quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tuyên bố Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bên chuyển nhượng bà Nguyễn Thị Thu T1 (do bị cáo Trần Thị P đóng giả) và bên nhận chuyển nhượng ông Sái Văn S ký kết tại Văn phòng công chứng ĐT ngày 15/12/2015, số công chứng 00017688, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2839/SXD, do Sở xây dựng thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2004 đối với nhà và đất tọa lạc tại

514/8 HT, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Số mới là 1030/8 VVK, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án) mang tên ông PB và bà Nguyễn Thị Thu T1 (đã đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho bà Phạm Thị H3 ngày 05/02/2016).

Bà Nguyễn Thị Thu T1 được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà và đất tọa lạc tại số 1030/8 VVK, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền bà Trần Thị K (do bị cáo Trần Thị P đóng giả) và bên được ủy quyền ông Mai Bình M ký kết tại Văn phòng công chứng TT ngày 02/12/2016, số công chứng N⁰ 015110, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bên chuyển nhượng bà Trần Thị K do ông Mai Bình M làm đại diện theo ủy quyền và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Tấn P1 ký kết tại Văn phòng công chứng HX ngày 05/12/2016, số công chứng 039009, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

- Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho các bên tham gia giao dịch liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở đối với căn nhà số 1030/8 VVK, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nếu có yêu cầu bồi thường.

+ Giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho các bên tham gia giao dịch liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở đối với căn nhà số 1142 LLQ, Phường T, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh nếu có yêu cầu bồi thường.

+ Giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho ông Vũ Quốc H1 nếu có yêu cầu bồi thường liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở đối với căn nhà số 341/M6 LLQ, Phường N, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Nguyễn Trung H.

(Giấy nộp tiền ngày 24/6/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra gửi vào Kho bạc Nhà nước Quận 10).

Mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 30.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND TP-HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- THA HS; (2)
- Bị cáo; (2)
- Người tham gia tố tụng (22)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (40). (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà

